

Bản án số: **146** /2018/HSST
Ngày: 14 / 08 /2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức nghĩa
Bà Bùi Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiệu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Đức Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/08/2018, tại Hội trường xét xử số 1 Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 139/2018/HSST ngày 16/07/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2018/QĐXXST-HS ngày 30/07/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn P, tên gọi khác: Không, giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/02/1993, tại tỉnh Thanh Hóa;

Đăng ký HKTT tại: Xã X, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 9, khu 5, phường A, thành phố H, T. Quảng Ninh.

Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ Văn hóa: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ tên bố: Không xác định;

Họ tên mẹ: Lê Thị H, sinh năm 1970; trú tại Y, Thanh Hóa

Họ tên vợ: Đoàn Thị H1, sinh năm 1994; Có ba con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án tiền sự: Chưa có.

Bị bắt ngày 24/04/2018, hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ 10, khu 2, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/10/1978;

Địa chỉ: Tổ 46, khu 5, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Anh Đàm Quang T1, sinh ngày 20/06/1989
Địa chỉ: Tổ 65, khu 7, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/04/2018, tại khu vực trường Tiểu học A thuộc tổ 4 khu 4 phường A thành phố H, Lê Văn P có hành vi trộm cắp xe mô-tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát (BKS) 14B1-417.39, màu đỏ-đen của anh Nguyễn Văn S trị giá 20.315.000 đ (Hai mươi triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng) rồi mang đi bán cho Nguyễn Văn T lấy 2.700.000 đồng chi tiêu cá nhân.

Bản kết luận định giá số 73 ngày 25/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Hạ Long xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát (BKS) 14B1-417.39 tại thời điểm bị xâm phạm có trị giá 20.315.000 đ (Hai mươi triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn P trình bày: Bị cáo ở Thanh Hóa, đến thành phố H từ tháng 06/2017 làm bốc vác thuê. Bị cáo cùng vợ, con thuê nhà ở trọ ở khu vực H, ban đầu thuê trọ ở phường Cao Thắng, sau này thuê trọ ở phường A, không đăng ký tạm trú tại nơi thuê trọ. Vào trưa ngày 24/04/2018, tại nhà trọ ở tổ 9 khu 5 phường A thành phố H, do không có tiền mua đồ ăn và mua thuốc cảm cho con nên bị cáo đi tìm vay tiền em gái, không vay được, bị cáo đi bộ lang thang xem có ai sơ hở thì lấy trộm tài sản. Khoảng 14 giờ 30 phút, bị cáo một mình đến gần cổng trường Tiểu học A thì phát hiện một xe mô-tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát (BKS) 14B1-417.39, màu đỏ-đen dựng ở cạnh bờ tường trường Tiểu học A, xe cắm sẵn chìa khóa và đang nổ máy, xung quanh xe không có ai. Bị cáo đi đến đứng sát cạnh phía bên trái yên xe quan sát độ một phút nhưng không thấy ai ra hỏi xe hay nhìn bị cáo, chỉ có mấy người phụ nữ đến cổng trường đón con. Bị cáo liền ngồi lên xe, quay đầu xe phóng ra phía đường, chạy về hướng ngã ba Cứu Hỏa. Bị cáo đã rẽ vào hai quán mua bán xe máy ở ven đường để bán xe, nhưng khi mở cốp xe tìm giấy tờ xe không có, trong cốp chỉ có một đôi giày nam màu đen và chiếc áo nylon đi mưa, bị cáo rút đôi giày ra ngoài, do xe không có giấy tờ nên không bán được. Bị cáo tiếp tục chạy xe vào khu Bãi Muối phường H tìm chỗ bán xe. Đến một cửa hàng sửa chữa xe máy gần chợ Núi Xẻ, gặp một nam thanh niên không quen biết, bị cáo hỏi anh ta có mua xe không, anh ta nói có nên bị cáo đỗ xe trước cửa quán rồi đi bộ vào quán nói chuyện. Bị cáo nói xe là của vợ bị cáo mua của người khác cách đây một năm, khi mua xe đã bị mất giấy tờ, vì cần tiền nên đem xe đi bán. Nghe vậy anh thanh niên nói không mua nhưng gọi điện cho một người bạn đến xem xe để mua. Khoảng 10 phút sau có anh Nguyễn Văn T đến xem xe và thỏa thuận mua xe. Vì xe không có giấy tờ nên anh T trả giá là 2.700.000 đồng, bị cáo đồng ý bán. Anh T lấy giấy bút đưa cho bị cáo viết giấy bán xe. Khi viết giấy, bị cáo ghi tên người bán là Đoàn Văn H, sinh năm 1992.

Anh T đọc cho bị cáo biển số xe và số khung, số máy xe để bị cáo viết vào giấy. Bị cáo ghi số điện thoại là 0949466256 vào giấy bán xe. Sau khi giao giấy viết bán xe và nhận 2.700.000 đồng của anh T, bị cáo bắt xe ôm về nhà trọ. Bị cáo dùng tiền bán xe mua bánh, sữa và thuốc cho con, mua nước ngọt cho vợ... hết 880.000 đồng, còn lại 1.820.000 đồng bị cáo giữ. Đến chiều cùng ngày, bị cáo nhận thức thấy việc lấy trộm tài sản của bị cáo là sai nên đi đến Công an phường A nộp lại số tiền 1.820.000 đồng và khai báo việc phạm tội của mình, mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Người bị hại Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra có lời khai: Khoảng 14 giờ ngày 24/4/2018 tôi điều khiển xe mô-tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát (BKS) 14B1-417.39, màu đỏ-đen chở con trai đến trường Tiểu học A thuộc tổ 4 khu 4 phường A thành phố Hạ Long. Do vội đưa con vào lớp nên tôi để xe phía ngoài cổng trường, quên rút khóa xe. Khoảng 02 phút sau tôi quay ra thì thấy xe đã bị lấy mất. Ngay sau đó tôi đã đến Công an thành phố H trình báo việc mất xe. Chiếc xe mô tô này là của mẹ tôi là Trần Thị P mua tháng 10/2016 với giá khoảng 25.000.000 đồng, giấy tờ đăng ký xe tên bà Trần Thị P. Ngày 05/5/2018, tôi đã được Công an trả lại chiếc xe mô tô Honda Wave RS, biển kiểm soát (BKS) 14B1-417.39, tôi không yêu cầu bồi thường gì về dân sự. (BL 55-57).

Quá trình điều tra, bà Trần Thị P, sinh ngày 22/01/1960, trú tại tổ 10 khu 2 phường A thành phố H, tỉnh Quảng Ninh có lời khai: Tôi là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn S. Khoảng tháng 10/2016 tôi mua xe mô tô Honda Wave RS, biển kiểm soát (BKS) 14B1-417.39 tại cửa hàng Hon Đa phường G thành phố H, giấy đăng ký xe mang tên tôi. Đến tháng 01/2017 tôi đã cho con trai Nguyễn Văn S chiếc xe này. (BL 59 – 60).

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra có lời khai: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/04/2018, tôi đang ở nhà thì anh Đàm Quang T1 là bạn gọi điện cho tôi nói có người muốn bán xe máy đang ở quán của anh T1. Tôi ra xem xe, thấy xe mô-tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát (BKS) 14B1-417.39 không bị cạy phá khóa, không bị tẩy số máy số khung, người thanh niên bán xe máy nói chiếc xe này là của gia đình anh ta đang sử dụng, bị mất giấy tờ. Tôi và người thanh niên bán xe thỏa thuận giá mua bán xe là 2.700.000 đồng. Sau khi anh thanh niên viết giấy bán xe cho tôi (ghi tên là Đoàn Văn H, sinh năm 1992) và giao xe cho tôi, tôi giao cho anh ta 2.700.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Công an thông báo cho tôi biết chiếc xe máy tôi mua là do người khác trộm cắp mà có. Tôi đã mang xe đến Công an giao nộp. ngày 13/6/2018, tôi đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H trả lại số tiền 1.820.000 đồng, đồng thời chị Đoàn Thị H1 là vợ của anh Lê Văn P cũng đã trả tôi 880.000 đồng. Tôi đã nhận đủ số tiền 2.700.000 đồng nên không yêu cầu bồi thường dân sự. (BL 63 – 68).

Quá trình điều tra, chị Đoàn Thị H1 có lời khai: Tôi và anh Lê Văn P có quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn từ năm 2012. Tháng 8/2017, tôi cùng anh P và hai

con Lê Thị Hoàng C và Lê Văn Chí C1 từ Thanh Hóa đến thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh, thuê chỗ ở trọ tại phường C sinh sống, đến tháng 3/2018 thì chuyển đến thuê ở trọ tại tổ 9 khu 5 phường A thành phố H, không đăng ký tạm trú. Tôi không biết việc anh Lê Văn P trộm cắp xe máy vào chiều ngày 24/04/2018. Chiều ngày 24/4/2018 tôi được Công an thông báo tôi mới biết. Sau khi thăm gặp anh P, tôi được biết anh P đã bán chiếc xe trộm cắp được lấy 2.700.000 đồng, đã tiêu sài hết 880.000 đồng, còn 1.820.000 đồng đã nộp cho Công an. Tôi đã tìm gặp người mua xe và bồi thường số tiền 880.000 đồng và người này đã đồng ý nhận số tiền bồi thường này. (BL 76 – 80).

Quá trình điều tra, người làm chứng Đàm Quang T1 có lời khai phù hợp lời khai của bị cáo P và anh Nguyễn Văn T. (BL70-74).

Bản Cáo trạng số 132/CT-VKSHL ngày 09/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long truy tố bị cáo Lê Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” căn cứ theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Văn P về tội “Trộm cắp tài sản”; rút tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị tương đối lớn. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/04/2018. Bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo. Trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai yêu cầu bồi thường về dân sự, nên không đề cập đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bảo đảm các quyền, nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng; Không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn P trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp lời khai của người bị hại Nguyễn Văn S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng làm rõ tại phiên tòa. Tài sản do Lê Văn P chiếm đoạt được định giá xác định giá trị tại thời điểm bị xâm

phạm là 20.315.000 đ (Hai mươi triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng), vì vậy Lê Văn P đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng, nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Bản Cáo trạng số 132/CT-VKSHL ngày 09/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long truy tố bị cáo Lê Văn P là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội tự thú, đã tự nguyện sửa chữa, đã khắc phục hậu quả; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng ; Thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hướng xử lý:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Chỉ vì muốn có tiền chi tiêu, bị cáo đã có mục đích đi lang thang tìm sơ hở của người có tài sản để thực hiện việc trộm cắp tài sản. Khi phát hiện tài sản có giá trị của người khác để ở nơi công cộng, lợi dụng sơ hở của người có tài sản (như: không khóa xe, xe không có người trông giữ), bị cáo đã nhanh chóng chiếm đoạt và tẩu thoát, nhanh chóng tiêu thụ (bán rẻ) để lấy tiền thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, có ý thức che dấu hành vi phạm tội của mình (viết giấy bán xe ghi tên người bán không phải họ tên và năm sinh của mình) nhằm tránh sự phát hiện của người khác. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, vi phạm pháp luật hình sự, gây mất trật tự trị an xã hội, vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo. Bị cáo là người đi làm ăn tự do, không thực hiện việc đăng ký tạm trú khi đến ở trọ sinh sống tại nơi không có hộ khẩu thường trú, thể hiện việc cư trú không ổn định, vì vậy, để đảm bảo việc chấp hành hình phạt của bị cáo, thấy cần áp dụng hình phạt tù, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần được áp dụng để giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Văn S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T đã được nhận lại toàn bộ tài sản của mình, không ai yêu cầu bồi thường về dân sự, nên không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[7] Các trách nhiệm khác: Bị cáo Lê Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long:

- Việc áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, rút điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp với việc phạm tội và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo; Các quan điểm về hình phạt bổ sung và trách nhiệm dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Việc Viện kiểm sát áp dụng khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự vì xác định bị cáo “đầu thú” và “đã động viên gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” là chưa đảm bảo thỏa đáng quyền hưởng tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, vì:

+ Căn cứ vào lời khai của bị cáo, của chị Đoàn Thị H (vợ bị cáo) và các tài liệu khác có trong hồ sơ thì: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/04/2018 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, đến 17 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo tự nhận thức việc làm của mình là sai nên đã đến Công an phường A thú tội và nộp lại số tiền 1.820.000 đồng cho Công an để trả cho anh T. Việc bị cáo tự đến Công an thú tội khi chưa bị ai phát hiện – xử lý việc phạm tội của bị cáo, nên bị cáo đáng được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Cũng từ việc tự thú và tự nguyện nộp lại 1.820.000 đồng của bị cáo nên Cơ quan điều tra mau chóng thu hồi lại chiếc xe mô-tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát (BKS) 14B1-417.39 còn nguyên vẹn ngay trong ngày 24/4/2018 để trả cho anh S là người bị hại và trả số tiền 1.820.000 cho anh T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Số tiền bị cáo đã chi dùng 880.000 đồng, chị Đoàn Thị H là vợ bị cáo đã trả nốt cho anh Tuấn. Về bản chất số tiền 880.000 đồng chị H đem trả này cũng là tiền thuộc quyền và nghĩa vụ của bị cáo P. Vì vậy xác định bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp, đảm bảo quyền được xem xét theo hướng có lợi cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Lê Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Văn P 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/04/2018.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, buộc Lê Văn Phụng phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo Lê Văn P, vắng mặt người bị hại Nguyễn Văn S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T. Báo cho bị

cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS, CA, THADS
Thành phố H
- VKSND, TAND
tỉnh Quảng Ninh
- Bị cáo
- Lưu Hồ sơ, Lưu VP

Trần Thị Mỹ Hạnh